TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ G** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 04 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

2. Ông **Sơn Hoài Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Đèo** –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Mộng Đẹp** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2023/TLST–HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà **Nguyễn Thị Mỹ A**, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

- *Bị đơn*: ông **Trần Văn H**, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: bà và ông H sống chung với nhau từ năm 1992 và có đăng ký kết hôn. Hai người đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay, lý do: quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn trong gia đình từ việc làm ăn thất bại nên ông H thường xuyên bỏ

nhà đi, chỉ tới lui về thăm con chứ không lo cho gia đình. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông H.

+ Việc nuôi con: bà và ông H có 02 người con chung tên Trần Công Thái, sinh ngày 24 tháng 5 năm 1993 và Trần Công Thức, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2003. Hiện nay đã thành niên nên bà không yêu cầu giải quyết.

+ Chia tài sản: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không thể tiến hành lấy lời khai được.

- Kiểm sát viên phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không có mặt theo giấy triệu của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải là không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ A xin ly hôn với ông Trần Văn H.

+ Về quan hệ con: đã thành niên nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Chia tài sản: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên việc xét xử vắng mặt của họ là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Quan hệ hôn nhân**: do ông H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không thể tiến hành lấy lời khai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của bà

A để giải quyết theo quy định. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông H là hôn nhân hợp pháp. Thông qua lời khai của bà A đã chứng minh được bà và ông H ly thân từ năm 2020 cho đến nay, với những lý do mà bà đưa ra. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ A, cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mỹ A và ông Trần Văn H.

[3] **Việc nuôi con**: đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] **Chia tài sản**: không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] **Về án phí**:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ, khấu trừ số tiền đã dự nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0004728 ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

- Ông Trần Văn H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 8, 9, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mỹ A và ông Trần Văn H.

2. Việc nuôi con: đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Chia tài sản: không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ, khấu trừ số tiền đã dự nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0004728 ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

- Ông Trần Văn H không phải chịu án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh Tấn